



VẤN ĐỀ PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

TS Đặng Thị Vân Chi*

1. Sự xuất hiện vấn đề phụ nữ trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Trước khi Pháp xâm lược, Việt Nam là một quốc gia phong kiến với nền kinh tế lấy nông nghiệp trồng lúa nước làm chủ đạo, phần lớn phụ nữ Việt Nam là nông dân, thợ thủ công, tiểu thương... Mặc dù phụ nữ luôn được đánh giá là có đóng góp to lớn đối với gia đình và xã hội, nhưng ảnh hưởng lâu dài của Nho giáo đã làm cho phụ nữ không được hưởng những quyền lợi tương xứng với những đóng góp của họ.

Sang đầu thế kỷ XX, chính sách của chính quyền thực dân Pháp trên các mặt chính trị, kinh tế và văn hoá đã làm thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam.

Ngay từ khi xuất hiện lực lượng công nhân, phụ nữ cũng đã có mặt trong đội ngũ những người lao động làm thuê này. Các chương trình khai thác thuộc địa của Pháp đã thu hút hàng vạn phụ nữ, chủ yếu xuất thân từ nông dân bị phá sản, vào làm thuê ở các mỏ than Hồng Gai, Kế Bào, Nhà máy dệt Nam Định, Nhà máy diêm Bến Thủy, các đồn điền cao su Nam Kỳ... Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thuộc địa, của giai cấp công nhân Việt Nam, đội ngũ nữ công nhân cũng tăng lên nhanh chóng. Theo Niên biểu thống kê Đông Dương năm 1939 – 1940, năm 1908, nữ công nhân là 6.687 người, chiếm 41% tổng số công nhân. Đến năm 1912, số nữ công nhân tăng lên 7.500 người, chiếm 45%. Ở một số ngành như ngành dệt, tỷ lệ nữ công nhân khá cao. Ví dụ, Nhà máy dệt Nam Định năm 1900 có số công nhân nữ chiếm 66%; đến năm 1937, tỷ lệ nữ công nhân lên tới 71%¹.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Do không được đi học, rất ít nữ công nhân có trình độ chuyên môn, hầu hết phụ nữ phải làm những công việc lao động giản đơn. Một ngày làm việc của họ thường kéo dài từ 12 giờ trở lên như ở Nhà máy diêm Bến Thủy, hoặc 15 giờ như quy định chính thức của Nhà máy dệt Nam Định². Còn ở mỏ than Kế Bào, do phải đi làm quá xa nên ngày làm việc của họ thường kéo dài tới 20 tiếng³. Mặc dù phải làm việc cực nhọc, vất vả, nhưng đồng lương của nữ công nhân lại rất thấp, thường chỉ bằng 2/3 lương của công nhân nam vốn đã rẻ mạt⁴, đã thế lại không có chế độ bảo hiểm. Báo *Công luận* cho biết, ở Nhà máy xay (Sài Gòn), lương của một nữ công nhân là 0,2 P⁵ cho một ca làm việc 6 tiếng. Để có thể nuôi sống gia đình, nữ công nhân thường phải làm việc 3 ca liên tục⁶... Còn mỏ than Kế Bào, một ngày công của phụ nữ không quá 25 xu⁷... Khổ nhục và đau đớn hơn, nữ công nhân còn bị xúc phạm đến phẩm giá và bị khinh rẻ, họ có thể bị sa thải bất cứ lúc nào.

Ở nông thôn, phụ nữ nông dân bị đẩy vào cảnh ở đợ, làm thuê, biến thành tá điền bởi gánh nặng tô thuế. Cùng đường, phụ nữ nông thôn bị đẩy ra thành phố, bổ sung vào đội ngũ nữ công nhân, đi ở, bán hàng, làm điếm... trở nên đói nghèo và trở thành nạn nhân của văn minh tư bản. Năm 1938, ở Hà Nội ít nhất có khoảng 250 nhà hát cô đầu và số phụ nữ làm nghề mãi dâm lên tới hàng ngàn người⁸.

Bên cạnh những thay đổi trong đời sống kinh tế, xã hội của tầng lớp phụ nữ lao động trong những năm đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam còn xuất hiện tầng lớp phụ nữ tiểu tư sản thành thị gồm những người thợ thủ công, tiểu thương, vợ con các viên chức làm việc trong các công sở của Pháp và của tư nhân, các nữ công chức (giáo viên, thư ký, y tá, hộ sinh) và các nữ học sinh...

Cũng từ đầu thế kỷ XX, một số trường học dành cho nữ sinh đã xuất hiện ở các đô thị lớn như Sài Gòn, Hà Nội và các địa phương. Từ 178 học sinh của trường nữ học đầu tiên ở Bắc Kỳ, trường Brioux (cũng là trường nữ học đầu tiên trên toàn cõi Đông Dương), khai giảng ngày 6 - 1 - 1908 tại Hà Nội, đến năm 1930 - 1931, số nữ sinh là 38.984 người (trên tổng số 292.694 học sinh) và năm 1940 - 1941 tổng số nữ sinh đã lên tới 85.447 người (trong đó ở Bắc Kỳ có 24.658 người, Trung Kỳ có 15.436 người và Nam Kỳ có 43.353 người)⁹.

Trong các trường nữ sinh này, tiếng Pháp được học từ lớp dự bị. Ban trung học hoàn toàn dạy bằng tiếng Pháp, mỗi tuần chỉ có hai giờ học tiếng Việt. Trong trường, học sinh bắt buộc phải nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp¹⁰. Có thể thấy rằng chương trình giáo dục như vậy đã làm xuất hiện một tầng lớp nữ sinh được gọi là nữ sinh tân học (gái mới), chắc chắn chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, với một lối sống thách thức các quan niệm về đạo đức truyền thống. Hiện tượng các cô "gái mới" cũng là vấn đề được xã hội quan tâm và thảo luận nhiều trên báo chí.

Cùng với sự gia tăng đáng kể của số lượng nữ sinh, đội ngũ nữ giáo viên, nữ trí thức cũng ngày càng đông đảo. Nhiều phụ nữ đã tốt nghiệp đại học¹¹, có người có bằng Tiến sỹ của Pháp như cô Hoàng Thị Nga... Nhìn chung, trừ một số ít cam lòng làm người nội trợ, còn hầu hết đều hành nghề bằng chính ngành nghề đã được đào tạo¹². Tuy nhiên, trong điều kiện của một xã hội thuộc địa, họ cũng có thể bị sa thải bất cứ lúc nào và dù thuộc tầng lớp trên, họ cũng vẫn bị đối xử bất bình đẳng so với nam giới. Theo quy định của năm 1918, lương của giáo viên nữ thường chỉ bằng 80% lương của giáo viên nam, đôi khi chỉ hơn 60% so với giáo viên nam¹³.

Sự phát triển của đội ngũ nữ trí thức này đã tạo nên một thay đổi lớn trong đời sống văn hoá của phụ nữ cũng như tạo nên một bước phát triển mới trong việc tiếp nhận những tư tưởng về nữ quyền và giải phóng phụ nữ.

Những thay đổi trong xã hội Việt Nam, đặc biệt những thay đổi trong đời sống người phụ nữ dưới ảnh hưởng của phong trào nữ quyền thế giới cũng đã tác động tới nhận thức của tầng lớp trí thức trong xã hội và nhận thức của phụ nữ về quyền của phụ nữ trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá và giáo dục... Thời gian này, nhiều cuốn sách đã được xuất bản tập trung trình bày, phân tích thực trạng vấn đề phụ nữ ở Việt Nam. Ví dụ như:

Năm 1928, Đặng Văn Bấy đã đặt vấn đề *Nam nữ bình quyền* vì “thấy phần nhiều đàn bà con gái bị chèn ép, hiếp đáp, còn đàn ông con trai lại quý, tự do. Phép công bình là đôi bên phải đồng, không khinh, không trọng, không thấp không cao. Ai biết rằng bị người đè ép mình là thiệt thòi, đau đớn cho mình, thòi cũng nên biết rằng đè ép người là làm cho người phải thiệt thòi đau đớn”¹⁴.

Năm 1929, Phan Bội Châu viết cuốn *Vấn đề phụ nữ* đã cho rằng “phụ nữ là một hạng người ở trong loài người, cũng là một xuất dân ở trong dân nước... muốn nghiên cứu vấn đề về loài người và vấn đề về quốc dân mà lại bỏ vấn đề phụ nữ, thiệt là khuyết điểm cho nhà luân lý, và đến khi cải lương xã hội, thiệt là một chôn tộ hại rất to”¹⁵. Và ông đã đặt vấn đề cần thiết phải vận động phụ nữ và liên kết các đoàn thể phụ nữ, tạo nên sự thống nhất một lòng để “bẻ đôi gông vô đạo, chặt đứt xiềng bất nhân”¹⁶.

Năm 1932, Trần Thiện Ty và Bùi Thế Phúc viết *Vấn đề phụ nữ ở Việt Nam*. Trong cuốn sách này, các tác giả đã giải thích phụ nữ Việt Nam xưa chỉ biết có bốn phận, mục đích sống duy nhất của phụ nữ là làm tròn bốn phận đối với chồng con, cha mẹ, họ hàng. Mặc dù cho rằng đó là mẫu người phụ nữ tiêu biểu cho mọi thời đại, các tác giả cũng phải thừa nhận hiện nay mọi việc đã thay đổi. Phụ nữ không muốn bị đàn ông áp chế nữa, “chị em cần phải biết gió mát trời xanh. Luồng gió tự do đã thổi khắp đám phụ nữ tân thời... Thế thì trên mảnh đất Việt Nam này, phụ nữ đã thành một vấn đề rồi đó”¹⁷.

Năm 1938, Cựu Kim Sơn và Văn Huệ viết *Đời chị em* nhấn mạnh “vấn đề phụ nữ, một vấn đề gay gắt đòi phải giải quyết ngay, vấn đề phụ nữ, thật vậy là một vấn đề khá quan trọng”¹⁸.

Trên báo chí, vấn đề phụ nữ cũng được toàn xã hội quan tâm và thảo luận khá sôi nổi. Báo *Hoàn cầu tân văn* ngày 11 – 8 – 1934 nhận xét: “đã lâu phụ nữ xứ này nổi lên cái phong trào vận động nữ quyền một cách nhiệt liệt. Những tiếng bình đẳng, bình quyền, giải phóng hàng ngày vang rền trên diễn đàn. Ngoài việc mở báo làm cơ quan chính thức cho cuộc vận động họ lại viết sách. Đến như các báo hàng ngày cũng phải dành riêng mỗi tuần một chương viết về phụ nữ. Như vậy cho biết rằng vấn đề phụ nữ đã chiếm một địa vị quan trọng ở xứ này”.

Qua những cuốn sách đã xuất bản và từ những cuộc thảo luận trên báo chí về vấn đề nữ quyền và bình đẳng nam nữ, giải phóng phụ nữ... có thể thấy nội dung của vấn đề phụ nữ ở Việt Nam tập trung vào một số điểm sau:

– Trước hết đó là vấn đề vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Trong điều kiện Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến thì vấn đề vai trò của phụ nữ trong xã hội còn gắn chặt với vấn đề vai trò của phụ nữ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh chống lễ giáo phong kiến.

– Thứ hai là vấn đề quyền của phụ nữ trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục (giáo dục dành cho phụ nữ, phụ nữ với văn học và nghệ thuật...); kinh tế (quyền lao động, quyền hưởng lương ngang bằng và các chế độ bảo hiểm); chính trị (quyền bầu cử và ứng cử của phụ nữ)...

– Thứ ba là vấn đề giải phóng phụ nữ khỏi lễ giáo phong kiến, quan niệm về trinh tiết, vấn đề thủ tiết của phụ nữ goá chồng, vấn đề hôn nhân tự do, nạn đa thê và tảo hôn...

– Vấn đề thứ tư là đạo đức phụ nữ: Vấn đề các cô “gái mới”, vấn đề mãi dâm..., thế nào là người phụ nữ lý tưởng thích hợp với xã hội mới.

Như vậy, rõ ràng vấn đề phụ nữ là một vấn đề của lịch sử Việt Nam cận hiện đại, là vấn đề của cuộc vận động xã hội, vận động giải phóng dân tộc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Trong bối cảnh vận động nữ quyền trên thế giới những năm đầu thế kỷ XX, vấn đề phụ nữ ở Việt Nam không chỉ mang yếu tố nội tại mà còn mang tính thời đại.

Cùng với việc phụ nữ ngày càng trở thành một lực lượng xã hội quan trọng, đối tượng quan tâm, tranh thủ của các nhóm xã hội và tổ chức chính trị đương thời thì một giải pháp đúng đắn cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam sẽ đóng vai trò quan trọng không chỉ góp phần đưa Việt Nam đi vào quỹ đạo chung của thế giới, mà còn quyết định sự thành công của phong trào vận động phụ nữ ở Việt Nam.

2. Giải pháp cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đầu thế kỷ XX, khi vấn đề phụ nữ trở nên bức xúc trong dư luận xã hội, hầu hết các trí thức đều lên tiếng bày tỏ thái độ về vấn đề này. Tuy nhiên, tùy theo nhận thức của từng người về vai trò và địa vị của phụ nữ trong xã hội mà họ đưa ra những đề xuất khác nhau. Nhìn chung, có thể chia các đề xuất này thành hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất chấp nhận chế độ thuộc địa, chủ trương vận động phụ nữ trong khuôn khổ của chế độ thuộc địa. Khuynh hướng này do các trí thức, các nhà báo, những nữ trí thức tư sản và tiểu tư sản chủ trương và mang màu sắc của cuộc vận động nữ quyền tự do. Khuynh hướng thứ hai hướng tới một cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng một xã hội mới do những trí thức yêu nước, những đảng viên cộng sản chủ trương.

2.1. Giải pháp cho vấn đề phụ nữ trong khuôn khổ của xã hội thuộc địa

2.1.1. Đẩy mạnh phụ nữ giáo dục

Dưới chế độ phong kiến, phụ nữ chưa bao giờ được đi học. Do đó, vấn đề giáo dục cho phụ nữ được đặt ra từ khá sớm và được coi là giải pháp cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam. Ngay từ đầu thế kỷ XX, các nhà báo, các trí thức Việt Nam lúc đó – những người ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, dưới ảnh hưởng của phong trào nữ quyền thế giới và tác động của chính sách giáo dục của Pháp, đã quan tâm hơn tới việc cải thiện chế độ giáo dục cho phụ nữ, nâng cao dân trí và chuẩn mực đạo đức của xã hội trong khuôn khổ của phong trào vận động Duy tân và trong bối cảnh của sự hợp tác Việt – Pháp. Hầu hết các ý kiến đều cho rằng phụ nữ muốn được bình đẳng với nam giới trước hết phải được học. Nhưng giáo dục phụ nữ như thế nào còn tùy thuộc vào quan niệm về vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

Những người cho rằng vị trí của phụ nữ là ở trong nhà, lo tề gia nội trợ, giúp đỡ chồng con, thì mục tiêu của việc giáo dục cho phụ nữ là để phụ nữ làm tốt công việc nội trợ của mình, cũng như có thể nuôi dạy con cái tốt hơn. “Con gái phải học để nhân cách hoàn toàn” [Giáo thụ phủ Hoài Đức Ngô Đình Ty]. Những người như Ngô Đình Ty, Nguyễn Bá Học, Vũ Đình Liễn, Trịnh Thu Tâm, Thân Trọng Huề... cho rằng các môn khoa học cũng cần, nhưng “cần nhất là chuyên dạy “tam tòng”, “tứ đức”, các việc đàn bà trong nhà”... Và theo các ông, hiện nay các trường Pháp – Việt dạy học bằng tiếng Pháp sẽ mất nhiều thời gian hơn là dạy bằng tiếng Việt. Các ông bản khoăn chương trình giáo dục kiểu phương Tây quá mới mẻ, không phù hợp với văn hoá truyền thống của Việt Nam, vì vậy, nếu “học mới mà không đến nơi đến chốn trong khi phá bỏ học cũ thì sẽ dựa vào cái gì để tồn tại?”¹⁹.

Những người thấy được xu thế mới của thời đại, ủng hộ nữ quyền và đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội thì chọn giải pháp chất lọc tinh hoa của cả hai nền văn minh để giáo dục. Bà Đạm Phương quan niệm: “Đức hạnh là gốc của sự học vấn” nhưng do tình hình hiện nay đã thay đổi, “sự cạnh tranh có tính nhân loại, muốn làm gì cũng phải có tri thức”. Mà phụ nữ chiếm số đông nên phụ nữ càng cần phải học²⁰. Còn *Tân Dân* chủ trương: “Học thuật mới mình không bỏ sót, tinh túy cũ mình không bỏ qua, cả hai đang mình đã hiểu thấu thì lo gì không đủ tư cách hoàn toàn để xử trí với đời”²¹.

Và cũng trên tinh thần đó, Phạm Quỳnh²² phê phán: Trước đây “phép giáo dục đàn bà con gái... so với những nhà giáo dục phương Tây làm sách về đàn bà con gái quả có kém xa”²³ và đã đề xuất một chương trình giáo dục mới cho phụ nữ. Theo đó, việc giáo dục phụ nữ phải tùy thuộc vào vị trí của người chồng trong xã hội và chỉ tập trung vào giáo dục phụ nữ thượng lưu và trung lưu.

Với quan niệm cho rằng vị trí của phụ nữ là ở trong gia đình, việc giáo dục phụ nữ là cần thiết, nhưng chủ yếu là để phụ nữ làm tốt vai trò làm chủ gia đình, giúp chồng, nuôi con thì chương trình học tập của nữ sinh trong các trường Pháp – Việt dường như không làm hài lòng các nhà giáo dục và các bậc trí thức trong xã hội. Vì vậy, một vấn đề quan trọng trong việc giáo dục cho phụ nữ là sách giáo khoa cho phụ nữ. Theo David Marr thì sau cuốn *Nữ học luân lý tập đọc* của Phan Đình Giáp năm 1918, có khoảng 25 cuốn sách giáo khoa được xuất bản với số lượng phát hành khoảng 1.000 tới 5.000 bản cho mỗi cuốn, thậm chí có cuốn tới 10.000 bản²⁴. Hầu hết các cuốn sách đều nhằm dạy cho nữ sinh công việc nội trợ và thái độ phục tùng, ý thức làm người nội trợ trong gia đình. Năm 1922, trên *Khai hoá nhật báo* ngày 4 – 5 – 1922 có tác giả đề nghị *Một cuốn sách nên viết* là cuốn sách về nữ công. Tác giả cho rằng: Cuốn sách về nữ công là “thiết dụng tối cần cho nữ giới” vì “công việc của đàn bà con gái là gồm cả nữ công và tề gia nội trợ”. Cuối những năm 1920, bắt đầu xuất hiện những cuốn sách giáo khoa với ý thức giáo dục tinh thần dân tộc cho nữ giới như cuốn *Nữ sinh độc bản* của Trịnh Đình Rư ở Hải Phòng xuất bản năm 1926²⁵. Năm 1927, Phan Bội Châu viết *Nữ quốc dân tu tri* xuất bản ở Huế cũng kín đáo nhắc nhở phụ nữ cần phải có trách nhiệm đối với đất nước.

Các nhà ngôn luận cũng đề nghị cần phải bớt giờ học tiếng Pháp và tăng thêm số giờ học chữ quốc ngữ và nữ công gia chánh trong chương trình giáo dục. Một mặt, điều này phản ánh sự lo ngại việc học tiếng Pháp sẽ làm cho phụ nữ chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây nhiều hơn và làm mất đi đạo đức Nho phong vốn được đa số trí thức coi là giá trị quan trọng của nền văn hoá truyền thống; mặt khác, cũng phản ánh chủ trương truyền bá chữ Quốc ngữ, xây dựng và phát triển một nền quốc văn nhằm “gây cái hồn nước độc lập cho quốc dân” của các trí thức có tinh thần dân tộc. Với các tác giả này, vấn đề nữ quyền luôn gắn với vấn đề nữ học và phải gắn với việc giữ gìn đạo đức Nho phong.

Sang những năm 1930, cùng với sự phát triển của phong trào phụ nữ thế giới, sự lớn mạnh và ngày càng có vai trò trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội và chính trị của tầng lớp tư sản và trí thức tiểu tư sản thành thị Việt Nam, cuộc vận động phụ nữ trở nên sôi nổi hơn, đặc biệt với sự xuất hiện của dòng báo phụ nữ và đội ngũ phụ nữ trí thức tham gia vào công tác xuất bản báo, viết báo, khởi xướng các phong trào phụ nữ. Đó là chủ nhiệm các tờ báo phụ nữ như bà Suong Nguyệt Anh (báo *Nữ Giới chung*), bà Nguyễn Đức Nhuận (báo *Phụ nữ tân văn*), bà Lê Thành Tường (báo *Phụ nữ tân tiến*), bà Thụy An (báo *Đàn bà mới, Đàn bà*), bà Nguyễn Thanh Tú (báo *Phụ nữ*)... và các nữ phóng viên như Nguyễn Thị Kiêm, Phạm Vân Anh, Vân Đài, Lê Thị Huỳnh Lan, Phan Thị Nga, Trần Thị Hương, Thu Vân, Mộng Tuyết, Huỳnh Thị Bảo Hoà... Họ tổ chức hội chợ phụ nữ, tổ chức diễn thuyết, viết nhiều bài báo cổ động phong trào phụ nữ theo khuynh hướng nữ quyền tư sản, tập trung vào các vấn đề như nữ học, phụ nữ chức nghiệp...

Để cổ động cho việc giáo dục phụ nữ, nhiều ý kiến đề nghị thành lập các Nữ lưu học hội. Nhiều phòng đọc sách cho phụ nữ cũng xuất hiện như: phòng đọc sách của các bà Nguyễn Thị Trăng, Nguyễn Thị Phương Hoa ở Sài Gòn, phòng đọc sách của bà Hoàng Đắc Vinh ở Faifo (Hội An)²⁶... Trong đó, nổi bật nhất là Nữ lưu thư quán của bà Phan Thị Bạch Vân ở Gò Công. Nhà sách này đã xuất bản nhiều cuốn sách có khuynh hướng cổ vũ lòng yêu nước của phụ nữ. Nhiều cuốn bị chính quyền thực dân liệt vào hàng sách cấm và cuối cùng, sau khi xuất bản cuốn *Nữ anh tài*, bà Phan Thị Bạch Vân phải ra toà ngày 10 – 2 – 1930 với tội danh “mượn văn chương xúi đàn bà làm quốc sự cũng như đàn ông. Tuy là cô xúi đàn bà, nhưng cô có ý khuyến khích đàn ông nên tận tụy lo về quốc gia, chủng tộc”. Nhà sách bị đóng cửa²⁷. Việc đọc giả ở các nơi gửi thư về toà soạn Đông Pháp thời báo để động viên nhà sách chứng tỏ ảnh hưởng khá sâu rộng của nhà sách trong nhân dân.

2.1.2. Đẩy mạnh phụ nữ chức nghiệp

Vấn đề nghề nghiệp cho phụ nữ cũng được nhiều người coi là một yếu tố quan trọng để mang lại quyền bình đẳng cho phụ nữ, “là một cái chìa khoá mở cửa phụ nữ giải phóng”²⁸. Chính vì vậy, đây cũng là vấn đề được nhiều người đặc biệt quan tâm, đồng thời cũng gây nên nhiều cuộc tranh luận được đăng tải trên các báo²⁹. Những người khởi xướng phong trào này xuất phát từ thực tế có nhiều phụ nữ tư sản, tiểu tư sản thành thị là vợ con các công chức không làm việc, dùng thời giờ nhàn rỗi để tiêu khiển bằng những thú vui vô bổ như đánh bài, hầu đồng, đọc tiểu thuyết tình... Do đó, hô hào phụ nữ cần phải tham gia vào nền sản xuất xã hội, coi nghề nghiệp cho phụ nữ là cách giải phóng tốt nhất, là giải pháp cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam.

Trong khuynh hướng cổ động phụ nữ cần có nghề nghiệp để tự lập, nuôi bản thân mình và gia đình, cũng như tham gia vào việc sản xuất ra của cải cho xã

hội, báo *Phụ nữ tân văn* đã giới thiệu nhiều tấm gương phụ nữ kinh doanh thành công. Báo ra ngày 5 – 10 – 1933 đã có bài giới thiệu gương bà Lê Thị Ngọc, một phụ nữ goá chồng khi còn trẻ, nhà nghèo, một nách nuôi ba con nhỏ. Năm 1919, nhân phong trào tẩy chay Hoa kiều, bà đã đứng ra kinh doanh tiệm trà, cà phê, hủ tiếu vốn là những mặt hàng trước đây do Hoa kiều độc quyền kinh doanh. Chỉ trong vòng hơn mười năm, công việc kinh doanh của bà đã phát triển thành một hệ thống các nhà hàng mang thương hiệu Đức Thành Hưng trên địa bàn từ Sài Gòn đến Thủ Dầu Một. Bà được tôn vinh là bà Hoàng hậu cà phê, hủ tiếu. Báo ra ngày 2 – 11 – 1933 lại giới thiệu bà Thạch Thị Mậu – vợ của chủ báo *Đông Pháp thời báo* (Sài Gòn) Nguyễn Kim Đính. Bà nổi tiếng không chỉ buôn bán giỏi mà còn giúp chồng “trả nợ để cứu lấy tòa báo” khi tờ báo gặp khó khăn về tài chính. Bài báo nhận xét: “Bà trông nom giữ gìn cái nhà in của bà vững vàng luôn” vì “bà có cái tư cách một nhà kinh doanh, có chí, cần kiệm, siêng năng của phụ nữ ta đời xưa, cho nên mới làm nổi cơ đồ, giữ vững sự nghiệp như thế”...

Để khuyến khích phụ nữ tham gia lao động xã hội, *Phụ nữ tân văn* còn đứng ra tổ chức Hội chợ phụ nữ (tháng 5 – 1932) nhằm giới thiệu các sản phẩm do phụ nữ làm ra. Bà Đạm Phương tổ chức ra Hội Nữ công ở Huế để dạy nghề cho phụ nữ. Theo chân bà, ở nhiều tỉnh thành, nhiều hội Nữ công cũng được thành lập như Hội Nữ công ở Gò Công, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định... Năm 1941, bà Đạm Phương đánh giá, nhờ có Hội Nữ công này mà các sản phẩm thủ công của phụ nữ Huế được đánh giá rất cao...

Những người cộng sản phê phán việc coi phụ nữ chức nghiệp là biện pháp để giải quyết vấn đề phụ nữ dựa trên thực tế đa số phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay đều giữ vai trò quan trọng trong nền sản xuất xã hội, và dưới chế độ thuộc địa, vấn đề chức nghiệp của phụ nữ phải là vấn đề bình đẳng về tiền lương, điều kiện làm việc, chế độ bảo hiểm, phụ cấp khi thai sản, đau ốm... Và họ chủ trương vận động phụ nữ tham gia vào cuộc vận động đòi dân sinh dân chủ, cũng như tham gia vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc chung của toàn dân tộc.

2.1.3. Thực hiện quyền chính trị của phụ nữ một cách gián tiếp

Một điều đáng lưu ý là hầu hết các ý kiến về vấn đề phụ nữ trên báo chí công khai thời kỳ này đều né tránh vấn đề quyền chính trị của phụ nữ, thậm chí cuối những năm 1920, khi bàn về nữ quyền, nhiều tác giả cho rằng quyền bình đẳng nam nữ không có nghĩa là bình đẳng về chính trị, “sự bình đẳng chính trị là ảo tưởng”, “đàn bà dùng không có lợi”³⁰.

Năm 1932, trước sự kiện xứ thuộc địa Nam Kỳ được cử một đại biểu sang Thượng nghị viện thuộc địa ở Paris, giới trí thức Việt Nam có cuộc thảo luận sôi nổi về chế độ tuyển cử ở Nam Kỳ. Cũng trong dịp này, lần đầu tiên Nguyễn Văn Tạo – một chiến sỹ cộng sản – đã đưa ra yêu cầu nam nữ phổ thông đầu phiếu trên

báo *Trung lập* và trong cuộc diễn thuyết ở Tân Định với sự tham gia của khá đông giới trí thức đại diện cho nhiều tờ báo ở Nam Kỳ như Diệp Văn Kỳ, Hoàng Tân Dân, Nguyễn Phan Long... Đề xuất này của Nguyễn Văn Tạo bị các báo phê phán là nghe sượng tai nhưng “bất thức thời vụ” vì theo như Hoàng Tân Dân trên báo *Công luận* thì vì ở Pháp phụ nữ còn chưa có quyền bầu cử mà ở Việt Nam đòi quyền này là khó thực hiện³¹. Hay như *Đuốc nhà Nam* cho rằng việc yêu cầu nam nữ phổ thông đầu phiếu ở xứ này là chưa được vì trình độ dân trí còn thấp³². Trong bối cảnh đó, họ kêu gọi phụ nữ hãy bỏ thăm một cách gián tiếp “bằng cách chỉ trích những nhóm người buôn dân, bán nước và trái nghịch với lợi quyền của toàn thể nữ lưu. Chị em lại còn có thể biểu quyết đồng tình với chương trình ứng cử nào nhận tán thành các điều yêu cầu của phụ nữ về chức nghiệp, về sự nữ học về sự bảo hộ phụ nữ lao động” hoặc khuyên nhủ chồng con hãy bầu cho những người đủ tư cách... Cũng nhân vấn đề này, các nhà báo cộng sản đã viết nhiều bài tố cáo chế độ thực dân và trình bày thực trạng đời sống của phụ nữ trong xã hội thuộc địa.

2.1.4. Vận động giải phóng phụ nữ khỏi các ràng buộc của lễ giáo phong kiến

Chủ trương giải phóng phụ nữ thoát khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến là giải pháp được sự ủng hộ của nhiều nhóm trí thức và khuynh hướng chính trị đương thời. Những người cộng sản, những người cấp tiến và cả những người thấy được sự phi thực tế của phong trào nữ quyền tư sản như Phan Khôi và Diệp Văn Kỳ... đều ủng hộ việc giải phóng phụ nữ khỏi các ràng buộc của lễ giáo phong kiến. Không thể giải quyết vấn đề phụ nữ bằng luật pháp trong khuôn khổ của chế độ thuộc địa, họ quay sang bên vực quyền của phụ nữ trên khía cạnh đạo đức. Đó là việc kiểm tra lại các nguyên tắc đạo đức phong kiến đối với phụ nữ như: Quan niệm về chữ “trinh”, luật tam tòng có còn phù hợp? Đàn bà goá có nên tái giá hay chế độ đa thê?... Đặc biệt, sau một loạt vụ tự tử ở cả hai thành phố lớn là Sài Gòn và Hà Nội, trên báo chí, các tác giả thảo luận nhiều về chế độ đại gia đình, vấn đề hôn nhân tự do và tự do cá nhân...

Đầu tiên, trên báo *Phụ nữ tân văn* xuất hiện một loạt bài phê phán các nguyên tắc đạo đức phong kiến³³. Các tác giả, đặc biệt là Phan Khôi, đã đi từ việc kiểm tra lại học thuyết Nho giáo đối với phụ nữ như: quan niệm về trinh tiết, vấn đề quyền tái giá của phụ nữ goá chồng, nguyên tắc “tam tòng”, “tứ đức” trong xã hội ngày nay... Ông cho rằng từ quan niệm chữ “trinh” với ý nghĩa trinh tiết tới việc cấm phụ nữ goá chồng tái giá cũng chỉ bắt đầu từ thời Tống Nho do một câu nói của Trình Hy “chết đói là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn”. Theo ông, chính tính ích kỷ của đàn ông đã làm hình thành cái luật bất công vô đạo đó. Hoặc trường hợp người phụ nữ goá chồng vì sinh nhai mà phải cải giá, mặc dù có công nuôi dạy con cái thành đạt, nhưng họ cũng không bao giờ được thờ chung với chồng mình.

“Vậy thì... cái luật cấm đàn bà cái giá là bất công, vô đạo, cướp mất quyền lợi của đàn bà mà không bổ ích gì cho phong hoá nên trừ đi là phải”³⁴.

Đông Thanh tạp chí cũng đề nghị một việc nên cải cách đó là chế độ tang trở. Theo tác giả, nguyên việc vợ phải để tang chồng ba năm còn chồng chỉ để tang vợ một năm đã thể hiện bên trọng bên khinh, là nguyên nhân gây nên sự bất bình đẳng.

Mục “Lời bạn gái” của báo *Công luận* cũng bàn về chữ “trinh”³⁵ cho rằng ngày nay vì hoàn cảnh kinh tế, nhiều chị em buộc phải “thất trinh” để tồn tại nên không thể lấy trinh tiết làm chuẩn mực để đánh giá được vì “đàn bà thất trinh tiết là tự nơi xã hội vô giáo dục”³⁶.

Từ việc nhìn nhận lại quan niệm về trinh tiết, lên án việc bắt phụ nữ goá chồng phải ở vậy thủ tiết thờ chồng, báo chí cũng xem xét lại thuyết “tam tông” đối với phụ nữ và đều cho rằng thuyết này không còn phù hợp nữa. Phan Bội Châu trong bài trả lời phóng vấn của báo *Phụ nữ tân văn* cũng cực lực phản đối luật “tam tông” và chế độ đa thê³⁷. Còn báo *Công luận* phân tích: Chữ “tùng” đã đặt phụ nữ vào một địa vị thụ động. Quan niệm giam cầm phụ nữ trong cuộc đời phụ thuộc đã không còn thích hợp với thời đại này nữa. Và bài báo đã mượn câu nói trong tác phẩm nổi tiếng của John Stuart Mill làm kết luận của mình: “Đàn ông bắt đàn bà phục tùng là một điều trái với nhân đạo và công lý”³⁸.

Báo chí có nhiều bài ủng hộ hôn nhân tự do là hôn nhân vì tình yêu. Họ cho rằng các vụ tự tử ở cầu Thị Nghè, Bình Lợi trong Nam hay ở hồ Hoàn Kiếm và hồ Trúc Bạch ngoài Bắc là sự phản đối một chế độ sát nhân gián tiếp, tức là chế độ hôn nhân. Hôn nhân tự do được coi là giải pháp cho vấn đề gia đình khủng hoảng, vấn đề thanh niên tự tử trong các đô thị lớn. Tự do kết hôn còn là khẩu hiệu trong các phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Vì vậy, đôi khi phong trào cách mạng của nông dân và công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản được đồng nhất với phong trào đòi tự do kết hôn, phong trào giải phóng phụ nữ.

2.2. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải pháp triệt để cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không chỉ đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam, chấm dứt một thời kỳ khủng hoảng đường lối cứu nước của nhân dân Việt Nam, mà còn mở ra một thời kỳ mới trên con đường đấu tranh giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng nam nữ.

Mục tiêu của Đảng Cộng sản được nêu rõ ngay trong *Chánh cương vắn tắt*³⁹ là: Làm “tự sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” và “nam nữ bình quyền” là một trong 13 chủ trương lớn của Đảng, đồng thời là một trong 10 mục tiêu được nhắc tới trong *Lời kêu gọi*⁴⁰ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhân dịp thành lập Đảng. *Luận cương chính trị* năm 1930⁴¹ của Đảng cũng

khẳng định một trong 10 “nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền” là thực hiện “nam nữ bình quyền”. Tháng 10 năm 1930, Án nghị quyết của Trung ương toàn thể hội nghị về công tác phụ nữ vận động xác định: Phụ nữ là một lực lượng quan trọng, chiếm “một phần lớn trong giai cấp vô sản” nên khi được giác ngộ, phụ nữ sẽ rất hăng hái tham gia cách mạng và trở thành một “lực lượng rất trọng yếu. Nếu quảng đại quần chúng phụ nữ không tham gia vào những cuộc tranh đấu cách mạng thì cách mạng không thắng lợi được”.

Khẳng định vai trò to lớn và có tính quyết định của phụ nữ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng Cộng sản coi công tác vận động phụ nữ là một “nhiệm vụ lớn và rất trọng yếu”⁴². Đây là một trong những điểm khác nhau căn bản giữa Đảng Cộng sản và các tổ chức chính trị đương thời, đồng thời cũng là cội nguồn sức mạnh đưa Đảng Cộng sản đi tới thắng lợi.

Cũng ngay trong Án nghị quyết về công tác vận động phụ nữ, Đảng cũng khẳng định: chỉ khi nào nước nhà được độc lập, chế độ phong kiến bị xoá bỏ thì phụ nữ mới có cơ hội được bình đẳng thực sự, được giải phóng thực sự. Cũng như “nếu phụ nữ đứng ngoài cuộc đấu tranh cách mạng của công nông thì không bao giờ đạt mục đích giải phóng được”⁴³.

2.2.1. Đẩy mạnh công tác vận động và tổ chức phụ nữ

Đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong cuộc vận động giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản chú trọng công tác vận động phụ nữ tham gia vào các hoạt động cách mạng. Cũng khác với tất cả các phong trào yêu nước và cách mạng trước đó, đối tượng vận động chính của Đảng Cộng sản Việt Nam là phụ nữ lao động, phụ nữ công nhân và nông dân, những người chiếm đa số trong xã hội. Để vận động phụ nữ tham gia vào các hoạt động cách mạng, Đảng Cộng sản chủ trương trước hết phải vận động phụ nữ tham gia vào các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên và trong các tổ chức riêng của phụ nữ. Trong các tổ chức Công hội, Nông hội cần có các “nữ uỷ viên” hoặc “là người chuyên môn phụ trách” để tìm hiểu đời sống của chị em phụ nữ, tuyên truyền giác ngộ chị em phụ nữ tham gia vào các hoạt động đấu tranh của Đảng. Ngoài các tổ chức Công hội, Nông hội, Đảng chủ trương thành lập các tổ chức của riêng phụ nữ như “Phụ nữ liên hiệp hội” để thu hút tất cả những phụ nữ “vợ công nhân, người buôn gánh bán bưng”⁴⁴.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trong từng thời kỳ lịch sử, tùy vào điều kiện lịch sử cụ thể, Đảng Cộng sản luôn có sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời công tác vận động phụ nữ, nhằm động viên phụ nữ tham gia các hoạt động cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Cùng với đường lối vận động phụ nữ, Đảng cũng chú trọng việc đào tạo cán bộ nữ để hoạt động trong nữ giới. Ngay từ những năm 1926 – 1929, nhiều nữ

thanh niên đã được đào tạo trong các lớp huấn luyện ở Quảng Châu như: Nguyễn Trung Nguyệt, Nguyễn Tri Đức⁴⁵ và Lý Phương Thuận⁴⁶, Nguyễn Thị Minh Khai⁴⁷... Nhiều người trong số họ không chỉ trở thành những cán bộ cách mạng chuyên trách hoạt động trong phong trào phụ nữ mà còn trở thành tấm gương thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân. Ví dụ như:

Nguyễn Trung Nguyệt sau khoá huấn luyện ở Quảng Châu đã trở về nước hoạt động cách mạng và bị Pháp bắt trong vụ án đường Barbier. Tại phiên toà, Nguyễn Trung Nguyệt đã tỏ rõ khí phách anh hùng của một chiến sỹ cách mạng khi khẳng định: “Mục đích của Đảng mình là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp.”. Nguyễn Trung Nguyệt đã dùng toà án để tuyên truyền tư tưởng bình đẳng nam nữ khi thẳng thắn thừa nhận mình hoạt động cách mạng để đòi lại quyền lợi cho phụ nữ, trước hết là quyền được nói hoặc viết những ý tưởng của mình, quyền được đi học... Bà cũng tố cáo Pháp đã bỏ tù vô cớ những phụ nữ xin giảm hoặc hoãn thuế cho chồng vì nghèo mà không lo đủ thuế nộp cho chính phủ... Khi bị chất vấn tại sao không lo bổn phận của mình trong gia đình mà lại đi làm cách mạng, Nguyễn Trung Nguyệt đã tuyên bố: “Tôi không phải có cái bổn phận gia đình thôi đâu, tôi còn có cái bổn phận đối với xã hội nữa”⁴⁸.

Nguyễn Thị Minh Khai sau thời gian hoạt động trong nước đã sang Quảng Châu làm nhiệm vụ liên lạc, rồi được cử sang Nga dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, học tập tại Trường Đại học Phương Đông. Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Thị Minh Khai đã có bài phát biểu về tình cảnh phụ nữ ở thuộc địa Đông Dương. Năm 1937, bà tham gia Thành uỷ Sài Gòn, phụ trách chỉ đạo phong trào ái hữu và nghiệp đoàn. Dưới bút danh Nguyễn Thị Kim Anh, Kim Anh, bà đã viết sách *Vấn đề phụ nữ* và nhiều bài trên các báo *Dân chúng*, *Đời nay*... phổ biến quan niệm nữ quyền mác xít, đấu tranh với những quan niệm sai lầm trong việc nhận thức các vấn đề về nữ quyền và giải phóng phụ nữ. Qua các bài báo và cuốn sách này, các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin được phổ biến rộng rãi, góp phần định hướng và thúc đẩy phong trào phụ nữ phát triển.

2.2.2. Sử dụng báo chí cách mạng như một phương tiện tuyên truyền, vận động, tổ chức và hướng dẫn phụ nữ đấu tranh

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản đã rất quan tâm tới công tác cổ động tuyên truyền, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng “để thu phục quần chúng, để thu phục đại đa số thợ thuyền và lãnh đạo quần chúng tranh đấu”. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản luôn theo sát tình hình và chỉ đạo kịp thời công tác vận động phụ nữ qua báo chí cách mạng và các truyền đơn cổ động hướng dẫn phong trào. Đảng khẳng định “các báo của Đảng là những cơ quan liên lạc của Đảng với quần chúng lao khổ”. Do vậy, “báo chí cách mạng phải nêu được đòi sống sinh hoạt của quần chúng công nông, phải giới thiệu các vấn đề chính trị,

các khái niệm chính trị cơ bản và các khẩu hiệu chính trị phù hợp, văn phong trong báo phải giản dị, dễ hiểu đối với quần chúng lao động. Việc tuyên truyền cổ động thì các báo chương của Đảng, thanh niên Đoàn, công hội và nông hội thường phải nói đến việc thiết thực cho phụ nữ hoặc để riêng một chương đăng những bài ấy”⁴⁹... Các báo của Đảng thời kỳ này chủ yếu phát hành bí mật, nhiều khi chỉ giống như tờ truyền đơn, nhưng trong các tờ báo này vấn đề phụ nữ vẫn được quan tâm đến. Ví dụ trên báo *Thùng dâu*, khổ nhỏ như một tờ truyền đơn, vẫn có một cột dành cho mục “Lời bạn gái”.

Trong cao trào cách mạng 1930 – 1931, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lần đầu tiên công nông đoàn kết trong một mặt trận tranh đấu. Trong phong trào đấu tranh này, Đảng cũng có sự chi đạo kịp thời và chặt chẽ công tác phụ nữ. Hầu hết các truyền đơn cách mạng của Đảng thời kỳ này đều có các khẩu hiệu yêu cầu những quyền lợi cho phụ nữ như:

- “1. Quyền đàn bà ngang quyền đàn ông,
2. Phản đối cha mẹ ép gả,
3. Phản đối chế độ nhiều vợ,
4. Đánh đổ hủ tục khinh thị đàn bà.”⁵⁰

Trên các tờ báo Đảng, các yêu cầu về quyền lợi thiết thực của phụ nữ luôn luôn được đặt cùng các yêu cầu khác. Có thể thấy, báo chí cách mạng là loại báo chí quan tâm nhiều nhất đến các quyền lợi của phụ nữ. Các báo *Búa liềm* (ngày 1 – 11 – 1930), *Cờ vô sản* (ngày 1 – 2 – 1931) đều kêu gọi công nhân đưa yêu sách đòi “đàn ông, đàn bà, người trẻ làm ngang nhau thì tiền lương cũng ngang nhau”. Báo *Công nông binh* số ra ngày 6 – 2 – 1931, sau khi phân tích tình hình, kêu gọi “Anh chị em hãy theo Đảng Cộng sản Đông Dương làm cách mạng để: đánh đổ đế quốc quan lại địa chủ, làm cho nước nhà hoàn toàn độc lập... nam nữ được quyền ngang nhau...”.

Đặc biệt, báo chí cách mạng trong giai đoạn này thường phân tích và vạch rõ tình trạng bị áp bức, bóc lột của phụ nữ dưới chế độ thuộc địa.

Tháng 8 năm 1935, Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập. Thắng lợi của Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong cuộc đấu tranh đòi tự do báo chí là một thuận lợi cho Đảng Cộng sản Đông Dương đấu tranh với những tư tưởng sai lầm trong nhận thức vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ, tuyên truyền tư tưởng cách mạng, tổ chức và hướng dẫn phong trào đấu tranh... Nhiều nữ trí thức đã tham gia vào mặt trận báo chí, viết bài tuyên truyền quan điểm của Đảng về công cuộc vận động phụ nữ, đấu tranh với những quan điểm sai lầm trong phong trào phụ nữ giải phóng như Nguyễn Thị Lựu, Mai Huỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu... Đặc

biệt các bài viết của Nguyễn Thị Minh Khai dưới bút danh Nguyễn Thị Kim Anh, Kim Anh... đã góp phần giác ngộ phụ nữ và thúc đẩy phong trào phụ nữ phát triển.

Trên báo chí thời kỳ này đã có nhiều bài vạch rõ những khổ nhục, bất công mà phụ nữ Đông Dương nói chung, cũng như phụ nữ Việt Nam nói riêng phải chịu dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Trong phong trào Đông Dương Đại hội, trên báo chí có nhiều bài của những tác giả nữ viết như trên *Hồn trẻ tập mới* số ra ngày 20 – 8 – 1936 có bài “Phụ nữ với Đông Dương đại hội” của Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Thị Thu, Mai Huỳnh Hoa, “Phụ nữ Đông Dương có những nguyện vọng gì” do Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thị Kiêm và Mai Huỳnh Hoa viết. Hai bài này sau có đăng lại trên *Nữ lưu* ngày 21 – 8 – 1936⁵¹.

Các bài báo hướng dẫn “chị em thương lưu, trung lưu, chị em lao động hãy đoàn kết lại, lo lập từng Ủy ban hành động, cử đại biểu liên lạc trực tiếp với nhau, thảo luận bản yêu cầu của mình và hiệp với anh em nam giới vận động để thành lập Đại hội Đông Dương”. Báo *Nữ lưu* ngày 14 – 9 – 1936 đăng “Lời thiết tha kêu gọi phụ nữ Đông Dương” đã hướng dẫn: Khẩu hiệu của phụ nữ phải gắn với những yêu cầu thiết thực như:

- “1. Tự do và cơm áo,
2. Thực hiện quyền phụ nữ phổ thông đầu phiếu,
3. Giáo dục nhân dân: Thành lập các trường dạy nghề,
4. Tuyển dụng phụ nữ vào các công sở,
5. Làm việc ngang nhau, tiền lương ngang nhau,
6. Mở trường và các nhà dạy thể dục thể thao cho chị em phụ nữ,
7. Xoá bỏ việc quy định chỗ ngồi bán hàng”⁵².

Ngày 24 – 9 – 1936, phụ nữ Bắc Kỳ họp đại biểu ở trụ sở hội Trí Tri, phố Hàng Quạt. Có khoảng 40 người dự để bàn việc thảo tập dân nguyện.

Ở Sài Gòn, Ủy ban phụ nữ Sài Gòn thành lập giữa tháng 8 có sự tham gia của các cô Nguyễn Thị Lựu, Mai Huỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu và Nguyễn Thị Kiêm.

Ủy ban phụ nữ Trung Kỳ cũng họp ở Huế ngày 20 – 9 – 1936 với sự có mặt của các cô Phan Thị Nga, Nguyễn Thị Nhã và Lê Thị Ngọc Sương. Phụ nữ Trung Kỳ yêu cầu các quyền lợi mà ngay đàn ông cũng chưa có như quyền bầu cử và ứng cử. Các cuộc họp của các uỷ ban phụ nữ để thảo tập Dân nguyện này được báo chí đánh giá là lần đầu tiên ở Đông Dương nữ giới ba kỳ biết hiệp hội để làm chính trị⁵³.

Nhân dịp Toàn quyền Đông Dương Brevie sang nhậm chức và phái viên của Chính phủ Bình dân Pháp là Godar sang Đông Dương điều tra tình hình, phụ nữ Huế ra lời hiệu triệu kêu gọi chị em phụ nữ lao động và trí thức liên hiệp lại để bênh vực quyền lợi thiết thân của phụ nữ với các yêu cầu:

1. Thi hành luật xã hội. Bênh vực cho thợ đàn bà và trẻ em.
2. Thợ đàn bà làm việc như đàn ông thì cũng ăn lương như đàn ông.
3. Khi thai sản được quyền nghỉ và ăn toàn lương.
4. Con cái đẻ ra chủ phải cho thêm tiền trợ cấp, lúc ốm đau chủ phải cho thuốc men.
5. Thi hành luật cải cách sự sống của đàn bà trong chốn thôn quê, bỏ chế độ tỳ thiếp.
6. Bỏ thuế môn bài cho người buôn thúng bán bưng, bớt thuế cho các hàng vặt, hàng xén, nghiêm trị sự hà khắc bóc lột của bọn thu thuế và lính cảnh sát.
7. Cho đàn bà được bổ dụng trong các công sở như đàn ông.
8. Mở thêm các trường công nghệ, hộ sinh, trường học cho phụ nữ.
9. Cho đàn bà được quyền bầu cử, ứng cử các hội đồng công cử, Viện dân biểu, Hội đồng quản hạt, Hội đồng thành phố.
10. Bài trừ nạn mãi dâm.”⁵⁴

Trong cuộc bầu cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã đưa ra một danh sách ứng cử viên của Mặt trận Dân chủ với chương trình tối thiểu của Mặt trận. Về các yêu cầu của phụ nữ, chương trình đã nêu lên những khẩu hiệu “chống nạn mãi dâm, việc làm ngang nhau thì lương của đàn ông, đàn bà phải ngang nhau, tài năng như đàn ông thì đàn bà cũng làm được các chức việc như đàn ông trong các sở công và tư, bảo vệ phụ nữ và nhi đồng (trước và sau khi đẻ, đàn bà đi làm các công sở và nhà máy đều được nghỉ có lương, mở các hài nhi viện)”⁵⁵.

Để vận động cho những ứng cử viên của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, báo *Tin tức* – cơ quan của Mặt trận Dân chủ Đông Dương [số 14, ngày 2 và 6 – 7 – 1938] phân tích trách nhiệm của chị em trong kỳ tuyển cử Viện dân biểu năm 1938, đặt vấn đề: Phụ nữ nên vận động cho đại biểu của nhóm *Tin tức*, báo *Ngày nay*, và đại biểu của báo *Lao động* vì chương trình của họ đã chú ý đến đời sống và quyền lợi của phụ nữ. Và việc vận động bầu cho họ “là mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử phụ nữ giải phóng ở xứ này”. Các toà soạn báo *Tin tức*, *Le Travail* trở thành nơi chỉ đạo và hướng dẫn phụ nữ đấu tranh. Các báo *Nhành lúa*, *Tin tức*, *Lao động*... đều đưa tin về các cuộc đấu tranh của phụ nữ trong phong trào Đông Dương đại hội.

Để hướng dẫn quần chúng lập hội, báo *Lao động* (1938 – 1939) đăng nhiều số về cách lập các hội hợp pháp, ý nghĩa của các hội hợp pháp, trong các buổi khai

hội cần phải tổ chức ra sao, tuyên bố lý do khai hội như thế nào, tuyển cử chủ tịch đoàn và thư ký đại hội, đọc chương trình nghị sự... các biện pháp đối phó với thủ đoạn ngăn cấm, giải tán các hội ái hữu của chính quyền thực dân...

Bên cạnh các hội ái hữu của phụ nữ lao động và buôn bán nhỏ, phụ nữ tư sản và tiểu tư sản cũng kêu gọi thành lập Nữ lưu văn học hội. Bà Ngọc Hùng cho rằng đó là chìa khoá mở rộng cánh cửa xã hội để phụ nữ có thể tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. “Nó sẽ là một cái lò rèn đúc cho chủ nghĩa phụ nữ được hoàn thành rồi theo lẽ tự nhiên, nó sẽ là một ngọn đuốc tiên phong đưa đường chỉ lối cho chị em tiến bước đặng đuổi kịp phụ nữ thế giới”⁵⁶.

Sự phát triển của báo chí cách mạng đã tác động sâu sắc đến tình hình báo chí nói chung và vấn đề phụ nữ trên báo chí nói riêng. Có thể nói trong thời kỳ này, qua báo chí, những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa nữ quyền mác xít được truyền bá rộng rãi, vấn đề nữ quyền và giải phóng phụ nữ được gắn chặt với vấn đề giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Năm 1940, phát xít Đức tấn công nước Pháp, Chính phủ Pháp do Reynaud cầm đầu nhanh chóng sụp đổ. Chính phủ Bình dân của Pháp không còn tồn tại, Đảng Cộng sản bị giải tán, phải đi vào hoạt động bí mật. Việc nước Pháp bị Đức xâm chiếm ảnh hưởng mạnh mẽ đến những diễn biến chính trị tại Đông Dương.

Hội nghị Trung ương lần thứ VIII tháng 5 – 1941 quyết nghị thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy tên là Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Một trong 10 chương trình lớn của Việt Minh là “nam nữ bình quyền”. Hội Phụ nữ cứu quốc nằm trong hệ thống tổ chức của Mặt trận. Điều lệ của Hội nêu rõ: “Đoàn kết hết thảy các chị em phụ nữ ái quốc Việt Nam để mưu lợi ích hàng ngày cho phụ nữ, để cùng các đoàn thể cứu quốc khác đánh Pháp, đánh Nhật, làm cho nước Việt Nam ta được hoàn toàn độc lập”⁵⁷. Năm 1941, trước tình hình khẩn cấp của phong trào vận động phản đế, Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn xứ Bắc Kỳ chỉ đạo: Không nên dùng cán bộ phụ vận làm công tác giao thông. Cần “phải đào tạo cán bộ giao thông khác để cho các nữ đồng chí chuyên môn tiến hành công tác phụ vận của họ”, “cần đào tạo thêm cán bộ phụ nữ bằng cách huấn luyện cho các nữ đảng viên từ đoàn viên phụ nữ cứu quốc... cần phát hành truyền đơn kêu gọi chị em phụ nữ thành thị. Phải dùng mọi hình thức liên hiệp các tầng lớp phụ nữ”⁵⁸, “cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc phải có phụ nữ tham gia mới dễ thắng lợi”⁵⁹.

Trong điều kiện Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật, báo chí cách mạng phát hành bí mật và lưu hành chủ yếu ở vùng miền núi căn cứ địa cách mạng và vùng nông thôn với đối tượng chính là nhân dân lao động, đặc biệt là phụ nữ lao động nghèo, phần lớn bị thất học, nên các bài báo vận động phụ nữ

được thể hiện dưới dạng văn vần, dễ nhớ, dễ thuộc và có khả năng lưu truyền trong nhân dân.

Trên báo *Cứu quốc* số Xuân 1945 có bài viết *Đàn bà con gái làm gì được* đã chỉ ra: Phụ nữ Việt Nam trong lịch sử vốn có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm với những tấm gương tiêu biểu như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, nữ tướng Bùi Thị Xuân, hoặc gần đây, cô Tám chuyên chở vũ khí cho Phan Đình Phùng, cô Ba Đê Thám, chị Nguyễn Thị Bưởi, chị Nguyễn Thị Minh Khai, cô Giang... Phụ nữ có thể gánh vác các công việc như nam giới, không những thế, “trách nhiệm của các chị phải làm những việc gì mà phái đàn ông khó làm được chu đáo”. Ví dụ như: “đóng vai hàng quà, hàng bánh, len lỏi trong đám quân thù để do thám chúng”, hoặc canh gác “bảo vệ các cơ quan, các địa điểm khai hội cách mạng”, “trong vai cô hàng buôn thúng, bán mẹt hiền lành” chuyên chở vũ khí, làm thông tin liên lạc, binh vận, cứu thương... “Cũng có thể sung vào các đội du kích, có quyền ứng cử vào các hội đồng cách mạng...”. Dưới hình thức hỏi đáp về công tác phụ nữ, báo *Việt Nam độc lập* đã giải đáp những vấn đề cụ thể như: Phụ nữ không những có thể vào các đội vũ trang mà còn làm tốt công việc như đồng chí K.H... Nếu không vào đội vũ trang, phụ nữ cũng có thể tham gia sản xuất, cung cấp quân trang, quân dụng cho các đội vũ trang.

Bên cạnh việc hướng dẫn chỉ đạo phong trào, báo chí cách mạng còn làm công tác tuyên truyền vận động phụ nữ hăng hái tham gia công tác cách mạng. Những phụ nữ có thành tích đều được kịp thời biểu dương⁶⁰.

Kết quả của đường lối vận động phụ nữ của Đảng đã động viên phụ nữ hăng hái tham gia phong trào Việt Minh, vào các đội du kích. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ có sự tham gia của nhiều phụ nữ, nhiều người đã hy sinh anh dũng trong đấu tranh. Thời kỳ này báo chí cách mạng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn phong trào, đặc biệt có tác động rất lớn trong việc tuyên truyền và giác ngộ phụ nữ. Một số tỉnh còn ra báo riêng cho phụ nữ như tờ *Gái ra trận*, cơ quan của Đoàn phụ nữ cứu quốc tỉnh Thanh Hoá... Đặc biệt trong cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945, báo chí là nơi phát ra những mệnh lệnh, tuyên bố Tổng khởi nghĩa và phụ nữ trở thành một lực lượng quan trọng trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiều phụ nữ đã dẫn đầu trong các cuộc biểu tình thị uy, cướp chính quyền ở các địa phương trong khắp cả nước. Ở Hà Nội, Nguyễn Khoa Diệu Hồng đã diễn thuyết kêu gọi mọi người ủng hộ Việt Minh trong cuộc mít tinh ngày 17 tháng 8 của Tổng hội viên chức và biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình tuần hành trên đường phố ngay trước đêm Tổng khởi nghĩa nổ ra. Ở Bắc Giang, Hà Thị Quế trực tiếp chỉ huy du kích đánh chiếm đồn Nhật, tham gia lãnh đạo cướp chính quyền ở tỉnh. Trương Thị Mỹ lãnh đạo đoàn quân biểu tình chiếm huyện Hoài Đức (Hà Đông) ở sát cửa ngõ Hà Nội. Phan Thị Nể tham gia lãnh đạo cướp chính quyền ở Hội An, Nguyễn Thị Định lãnh đạo cướp

chính quyền ở thị xã Bến Tre, Trần Thị Nhường lãnh đạo khởi nghĩa ở Sa Đéc... Trong khí thế sôi sục của những ngày Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền trong Cách mạng tháng Tám, việc hàng trăm phụ nữ được bầu vào Ủy ban nhân dân cách mạng các tỉnh, huyện trong cả nước là bằng chứng hùng hồn về vai trò thực sự và những đóng góp to lớn của phụ nữ vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Kết luận

“Vấn đề phụ nữ” rõ ràng là một thực tế trong xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào phụ nữ thế giới, tác động của các chính sách kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục của Pháp, vấn đề phụ nữ ngày càng trở nên bức xúc trong xã hội, đòi hỏi phải giải quyết ngay. Ngoài ra, cũng phải nhìn nhận một sự thực là nhiều trí thức yêu nước đã bắt đầu sử dụng báo chí như một phương tiện nhằm thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân. Trong điều kiện báo chí bị chính quyền thực dân kiểm duyệt chặt chẽ, đề tài về phụ nữ có vẻ như là một đề tài an toàn hơn cả. Giải pháp cho vấn đề phụ nữ ở Việt Nam trở thành trọng tâm thu hút các cuộc thảo luận trên báo chí cũng như cương lĩnh hoạt động của nhóm xã hội và tổ chức chính trị đương thời.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình, trong giờ phút thiêng liêng Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra chế độ mới, hai người phụ nữ (Dương Thị Thoa (Lê Thi) và Đàm Thị Loan) đã được vinh dự kéo lá cờ đỏ sao vàng, quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong ngày lễ Độc lập. Sau Cách mạng, điều 9 của bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 quy định: “Sức mạnh của đất nước nằm trong tay người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, giới tính, giàu nghèo, đẳng cấp, tôn giáo... Phụ nữ bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực”.

Trong Quốc hội khoá I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 10 phụ nữ đã trúng cử đại biểu Quốc hội. Đây là thắng lợi của đường lối vận động cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương, trong đó việc giải quyết đúng đắn vấn đề phụ nữ là một nhân tố quan trọng. Đồng thời thắng lợi này cũng đánh dấu một bước tiến quan trọng của toàn thể phụ nữ Việt Nam trên con đường đấu tranh gần nửa thế kỷ vì quyền con người và quyền phụ nữ.

- 1 Nguyễn Thị Thập (Chủ biên), *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam*, tập 1, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1981, tr.171.
- 2 Báo *Nam phong*, 4 – 1921.
- 3 Báo *Phụ nữ tân văn*, 26 – 6 – 1930.
- 4 Lương công nhân nữ dao động trong khoảng từ 55,55% (năm 1931) đến 74,19% (năm 1932) so với lương công nhân nam. (Theo Niên biểu thống kê Đông Dương năm 1939 – 1940 trong: Nguyễn Thị Thập, *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam*, tập 1, sđd, tr.171).
- 5 P: viết tắt của Piastre, đơn vị tiền tệ của cả khu vực Đông Dương lấy bạc làm bản vị, có loại bằng bạc, nặng khoảng 27gam, có loại tiền giấy.
- 6 Báo *Công luận*, 25 – 5 – 1932.
- 7 Báo *Phụ nữ tân văn*, 26 – 6 – 1930.
- 8 Báo *Trung Bắc chủ nhật*, 27 – 9 – 1942, bài *Nạn hoa liễu do các nhà cô đầu gây ra đã giới thiệu cuốn sách của Đốc lý Hà Nội Virgitti và bác sỹ Joyeux: Về tình trạng mãi dâm và bệnh hoa liễu ở Hà Nội*. Những số liệu này được lấy từ cuốn sách của họ.
- 9 Báo *Đàn bà*, số đặc biệt năm 1941.
- 10 *Hội Ái hữu cựu nữ sinh Gia Long*, <http://www.gialong.org/history.html>, tr.1 – 2.
- 11 Bà Henriette Bùi tốt nghiệp Đại học Y khoa Paris (năm 1934); bà Nguyễn Thị Sương (năm 1940); bà Lê Thị Hoàng tốt nghiệp Cao đẳng Y khoa Hà Nội (năm 1937); bà Dương Thị Liễu (năm 1940), bà Lý Thị Nguyệt tốt nghiệp Cao đẳng Bào chế Hà Nội; bà Phan Thị Liệu tốt nghiệp Cao đẳng Canh nông Hà Nội; bà Phạm Thị Mỹ tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (năm 1928); bà Nguyễn Thị Châu tốt nghiệp cử nhân Văn khoa ở Đại học Paris (năm 1936); bà Bùi Thị Cẩm tốt nghiệp Đại học Luật khoa Paris và bà Nguyễn Minh Nguyệt tốt nghiệp Trường Cao đẳng Luật khoa Hà Nội.
- 12 Henritte Bùi làm Phó giám đốc Nhà Bảo sanh Chợ Lớn, Phan Thị Liệu làm ở Sở Nghiên cứu nông nghiệp Sài Gòn, Phạm Thị Mỹ và Nguyễn Thị Châu làm Giáo sư ở Trường “Áo Tím” ... (Báo *Đàn bà*, số đặc biệt năm 1941).
- 13 Báo *Nam phong*, 6 – 1918.
- 14 Đặng Văn Bấy, *Nam nữ bình quyền*, Da Kao, 1928, tr.4.
- 15 Phan Bội Châu, *Vấn đề phụ nữ*, Duy tân thư xã, Huế, 1929, tr.1.
- 16 Phan Bội Châu, *Vấn đề phụ nữ*, sđd, tr.14.
- 17 Trần Thiện Ty – Bùi Thế Phúc, *Vấn đề phụ nữ ở Việt Nam*, 1932, tr.65.
- 18 Cựu Kim Sơn – Văn Huệ, *Đời chị em*, báo *Dân chúng*, 1938, tr.2.
- 19 Báo *Nam phong*, *Vấn đề phụ nữ*, 10 – 1920.
- 20 Báo *Nam phong*, 1 – 1921.
- 21 Báo *Tân Dân*, 8 – 1 – 1925.
- 22 Phạm Quỳnh là chủ bút báo *Nam phong*, được đánh giá là người am hiểu cả hai nền văn hoá Đông Tây.
- 23 Báo *Nam phong*, 4 – 1924.
- 24 Marr David G., “The 1920s women’s rights debates in Vietnam”, *Journal of Asian Studies*, Vol 35, No 3 (May), 1976, tr.380.

- ²⁵ Cuốn sách có 60 bài, bên cạnh nội dung cơ bản nhằm dạy cho nữ sinh đạo đức, biết cách cư xử đúng mực, là mẹ hiền, vợ đảm sau này, ngay từ bài đầu tiên tác giả đã khẳng định “đời nay con gái cũng trọng như con trai, muốn cho sau này cũng ra gánh vác việc đời thì cũng cần phải cho học để mở mang trí thức. Và một nước muốn cho thoát khỏi ngu hèn thì không những con trai cần phải học, mà con gái cũng cần phải có học”. Sách còn có bài giới thiệu về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, về các nữ tướng của Hai Bà Trưng, đặt vấn đề “con gái yêu nước là thế nào”.
- ²⁶ Báo Hoàn cầu tân văn, 15 – 9 – 1934.
- ²⁷ Báo Thân chung, số 6, 14 – 2 – 1930.
- ²⁸ Báo Tân báo, 14 – 10 – 1933.
- ²⁹ *Chị em ta nên học những nghề nghiệp để mưu tự lập lấy thân* (báo Phụ nữ tân văn, 4 – 7 – 1929); *Nghĩa vụ của chị em là phải lo cho có nghề nghiệp* (báo Phụ nữ tân văn, 20 – 3 – 1930); *Chị em ta đừng ăn bám chồng con nữa* (báo Phụ nữ tân văn, 7 – 8 – 1930); *Mở cửa sổ cho đàn bà vô* (báo Phụ nữ tân văn, 2 – 8 – 1931); *Cái hại ăn dung ngồi rồi của chị em ta* (báo Phụ nữ tân văn, 5 – 11 – 1931); *Phụ nữ chức nghiệp* (báo Phụ nữ tân văn, 6 – 9 – 1934); *Một điều cần thiết cho tư cách độc lập của phụ nữ chức nghiệp* (báo Phụ nữ thời đàm, 22 – 1 – 1931); *Chị em bạn gái nên chú trọng về đường thực nghiệp* (báo Phụ nữ thời đàm, 19 – 3 – 1931); *Chức nghiệp và địa vị của phụ nữ trong xã hội* (báo Phụ nữ tân tiến, 1 – 10 – 1932); *Thực nghiệp với phụ nữ* (báo Phụ nữ tân tiến, 1 – 4 – 1932); *Chị em phụ nữ Trung Kỳ với phong trào lao động* (báo Đàn bà mới, 29 – 12 – 1934); *Một vấn đề thiết thực: Phụ nữ với chức nghiệp* (báo Đàn bà mới, 5 – 10 – 1936); *Phụ nữ với chức nghiệp* (báo Đàn bà, 8 – 7 và 22 – 7 – 1934); *Phụ nữ chức nghiệp* (báo Đàn bà, 14 – 10 – 1933); *Phụ nữ lao động với chế độ gia đình* (báo An Nam tạp chí, 2 – 4 – 1932); *Vấn đề phụ nữ chức nghiệp* (báo Hoàn cầu tân văn, 30 – 10 – 1933 và 11 – 1 – 1934); *Cần phải có một nghề* (báo Trung lập, 23 - 3 - 1933)...
- ³⁰ Báo Nam phong, 6 – 1927.
- ³¹ Báo Công luận, 1 – 7 – 1932.
- ³² Báo Công luận, 2 – 7 – 1931.
- ³³ *Chữ trinh, cái tiết với cái nết* (báo Phụ nữ tân văn, 19 – 9 – 1929); *Bàn thêm về tự do kết hôn* (báo Phụ nữ tân văn, 5 – 10 – 1929); *Cái chế độ gia đình ở nước ta đem giống với luân lý Khổng Mạnh* (báo Phụ nữ tân văn, 3 – 6 – 1930); *Gia đình ở xứ ta nay cũng thành ra vấn đề rồi* (báo Phụ nữ tân văn, 21 – 5 – 1931); *Tam tông, tứ đức ngày nay còn thích hợp với chị em ta không* (báo Phụ nữ tân văn, 30 – 7 – 1931); *Tổng Nho với phụ nữ* (báo Phụ nữ tân văn, 13 – 8 – 1931); *Đàn bà với ái tình* (báo Phụ nữ tân văn, 13 – 8 – 1931); *Luân lý xã hội chỉ buộc có một mặt* (báo Phụ nữ tân văn, 26 – 1 – 1931); *Án và tình*; *Luận về phụ nữ tự sát* (báo Phụ nữ tân văn, 26 – 9 – 1929); *Một cái hại của chế độ đại gia đình: bà già với nàng dâu* (báo Phụ nữ tân văn, 20 – 8 – 1931).
- ³⁴ Báo Phụ nữ tân văn, 13 – 8 – 1931.
- ³⁵ Báo Công luận, 3 – 4 – 1932.
- ³⁶ Báo Công luận, 18 – 3 – 1934.
- ³⁷ Báo Phụ nữ tân văn, 18 – 5 – 1934.
- ³⁸ Báo Công luận, 5 – 5 – 1932.
- ³⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.2.

- 40 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.14.
- 41 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.95.
- 42 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.188.
- 43 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.189.
- 44 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.190 – 191.
- 45 Judge Sophia Quinn, “Women in the early Vietnamese communist movement: sex, lies, and liberation”, *South Asia Research*, November, 2001, tr.248.
- 46 Judge Sophia Quinn, sđd, tr.261.
- 47 Judge Sophia Quinn, sđd, tr.256.
- 48 Báo *Tiếng dân*, 2 – 8 – 1930.
- 49 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, sđd, tr.191.
- 50 Bảo tàng Cách mạng, *Truyền đơn cách mạng*, ký hiệu –1873/Gy574.
- 51 Nguyễn Thành, *Cuộc vận động Đại hội Đông Dương năm 1936*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, 1985, tr.47 – 48.
- 52 Nguyễn Thành, *Cuộc vận động Đại hội Đông Dương năm 1936*, sđd, tr.48.
- 53 Báo *Đàn bà mới*, 26 – 10 – 1936.
- 54 Báo *Nhánh lúa*, số 4, 2 – 1937.
- 55 Báo *Tin tức*, số 12, 25 và 29 – 6 – 1938.
- 56 Báo *Đàn bà mới*, 11 – 11 – 1935.
- 57 Trần Huy Liệu, *30 năm đấu tranh của phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4, 1960, tr.8.
- 58 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.198.
- 59 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, sđd, tr.301.
- 60 Trên các báo *Đuổi giặc nước* (cơ quan tuyên truyền cổ động của Việt Minh Thanh Hoá), *Tự do, Cứu quốc* (cơ quan tuyên truyền cổ động của Việt Nam Độc lập đồng minh), *Việt Nam độc lập* đều đăng tin những phụ nữ tiêu biểu trong mọi hoạt động cách mạng, từ việc tuyên truyền tổ chức lập Hội Phụ nữ cứu quốc đến các hoạt động cụ thể khác của phụ nữ như đóng góp bằng tiền và hiện vật cũng như công sức cho phong trào cách mạng và đều được tuyên dương kịp thời.